

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-11-2021

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thị Hạnh;

Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1980 (Vắng mặt, Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp B, xã T, huyện X, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh D, sinh năm: 1976 (Vắng mặt, Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 15, ấp X, xã X, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông T và bà D yêu thương nhau rồi đi đến cưới nhau vào năm 2002, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 26-12-2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc hòa thuận nhưng đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và ông T, bà D đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay ông T cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà D. Về con chung: Trong quá trình chung sống thì giữa ông T với bà D có 02 người con chung là cháu Trần Anh P, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2000 và cháu Trần Anh B, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2003. Nay cháu Trần Anh P và cháu Trần Anh B đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên ông T không yêu cầu Tòa án xem xét về con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai bị đơn bà Trần Thị Thanh D, trình bày:

Bà D và ông T yêu thương nhau rồi đi đến cưới nhau vào năm 2002 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 26-12-2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc hòa thuận nhưng đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và ông T, bà D đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay bà D cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được tuy nhiên bà D không đồng ý ký ly hôn vì lý do bà D theo đạo Thiên chúa giáo. Bà D đề nghị Tòa án xét xử ly hôn đơn phương cho ông T. Về con chung: Trong quá trình chung sống thì giữa ông T với bà D có 02 người con chung là cháu Trần Anh P, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2000 và cháu Trần Anh B, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2003. Nay cháu Trần Anh P và cháu Trần Anh B đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên bà D không yêu cầu Tòa án xem xét về con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn T và bà Trần Thị Thanh D có đăng ký kết hôn, nay ông T xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn bà Trần Thị Thanh D đang cư trú tại xã X, huyện C, tỉnh B, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn T và bà Trần Thị Thanh D vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình trong các biên bản làm việc, bản khai tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T và bà D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Trần Thị Thanh D cùng thừa nhận ông T và bà D kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 26-12-2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc hòa thuận nhưng đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và ông T, bà D đã ly thân từ năm 2013 đến nay.

Vì cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà D. Tuy thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng bà D không đồng ý ký ly hôn vì lý do bà D theo đạo Thiên chúa giáo. Bà D đề nghị Tòa án xét xử ly hôn đơn phương cho ông T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập các bên đến trụ sở Tòa án để hoà giải, nhưng bà D vắng mặt điều này chứng tỏ bà D không có thiện chí được hoà giải hàn gắn nên Tòa án không tiến hành hoà giải hàn gắn được.

Thông qua phần xác nhận quá trình hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng của cả nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà D.

[4] Về con chung: Ông Trần Văn T và bà Trần Thị Thanh D có 02 người con chung là cháu Trần Anh P, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2000 và cháu Trần Anh B, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2003.

Nay cháu Trần Anh P và cháu Trần Anh B đã trưởng thành, trên 18 tuổi, bà D và ông T không yêu cầu Tòa án xem xét về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn T và bà Trần Thị Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Ông Trần Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho ông Trần Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Thanh D.

Về con chung: Ông Trần Văn T và bà Trần Thị Thanh D có 02 người con chung là cháu Trần Anh P, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2000 và cháu Trần Anh B, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2003. Nay cháu Trần Anh P và cháu Trần Anh B đã trưởng thành, trên 18 tuổi, các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Trần Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005178,

ngày 12 tháng 03 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Trần Văn T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/11/2021) các đương sự được quyền kháng cáo. Do ông T và bà D đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến